



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
NHỰA VIỆT THÀNH
QUÝ I NĂM 2021**



CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		411.070.999.840	359.121.199.859
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		4.985.632.110	3.702.896.027
1. Tiền	111	1	4.985.632.110	3.702.896.027
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		3.510.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2	3.510.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (131 + 132 + 133 + 134 + 135 + 136 + 137 + 139)	130		111.610.896.192	89.899.185.433
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	97.258.195.704	86.085.198.571
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	11.825.346.644	550.517.658
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5	2.527.353.844	3.263.469.204
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		285.432.516.517	259.239.782.593
1. Hàng tồn kho	141	6	285.432.516.517	259.239.782.593
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + 153 + 154 + 155)	150		5.531.955.021	6.279.335.806
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	2.253.555.312	2.156.017.637
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.278.399.709	4.123.318.169
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		138.015.376.808	133.635.187.640
I. Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + 213 + 214 + 215 + 216 + 219)	210		8.658.185.361	8.573.932.669
1. Phải thu dài hạn khác	216		8.658.185.361	8.573.932.669
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		125.238.282.579	121.323.108.311
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	8	52.472.991.571	49.002.265.971
- Nguyên giá	222		89.517.003.215	83.963.063.670
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(37.044.011.644)	(34.960.797.699)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	9	41.203.898.603	40.591.728.416
- Nguyên giá	225		55.443.555.849	52.156.965.849
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(14.239.657.246)	(11.565.237.433)
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	10	31.561.392.405	31.729.113.924
- Nguyên giá	228		32.400.000.000	32.400.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(838.607.595)	(670.886.076)
VI. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		4.118.908.868	3.738.146.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	4.118.908.868	3.738.146.660
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		549.086.376.648	492.756.387.499

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		371.722.192.743	377.969.798.944
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 322 + 323 + 324)	310		328.392.002.217	336.239.943.825
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	39.273.862.346	73.197.306.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.489.835.907	295.771.041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.562.102.669	3.018.213.803
4. Phải trả người lao động	314		2.440.897.734	2.701.799.789
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	2.922.891.149	2.724.256.852
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	278.702.412.412	254.302.595.734
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		43.330.190.526	41.729.855.119
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	14	2.910.070.073	3.127.698.866
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	40.420.120.453	38.602.156.253
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		177.364.183.906	114.786.588.555
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 420 + 421 + 422)	410	16	177.364.183.906	114.786.588.555
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		150.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	100.000.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		27.364.183.906	14.786.588.555
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.786.588.555	1.645.507.026
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.577.595.351	13.141.081.529
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		549.086.376.648	492.756.387.499

Người lập biểu

LƯƠNG THANH HOÀNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ YẾN NGA

Long An, ngày 10 tháng 04 năm 2021



Tổng Giám đốc

PHAN VĂN QUÂN

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I NĂM 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	225.082.349.004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		225.082.349.004
4. Giá vốn hàng bán	11	2	197.706.161.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		27.376.187.923
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	491.743
7. Chi phí tài chính	22	4	6.132.387.069
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.125.385.069
8. Chi phí bán hàng	25	5	3.939.833.259
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5	1.564.411.945
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		15.740.047.393
11. Thu nhập khác	31	6	21.743.003
12. Chi phí khác	32	7	39.796.208
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(18.053.205)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.721.994.188
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8	3.144.398.838
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		12.577.595.351
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	9	1.215

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Long An, ngày 10 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc

LƯƠNG THANH HOÀNG

NGUYỄN THỊ YẾN NGA



PHAN VĂN QUÂN

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày
31/03/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
QUÝ I NĂM 2021

Chỉ tiêu	Mã số	QUÝ I NĂM 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	15.721.994.188
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ	2	5.412.552.226
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(22.234.146)
- Chi phí lãi vay	6	6.125.385.069
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	27.237.697.337
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(20.951.044.991)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(26.192.733.924)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(32.672.990.677)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(478.299.883)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.125.385.069)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.936.795.240)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(62.119.552.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(6.223.485.000)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	204.090.909
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	(3.510.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	491.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.528.902.348)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	50.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	173.200.775.570
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(145.915.424.778)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(4.354.159.914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	72.931.190.878
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.282.736.083
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.702.896.027
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.985.632.110

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Long An, ngày 10 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc

LƯƠNG THANH HOÀNG

NGUYỄN THỊ YẾN NGÀ

PHAN VĂN QUÂN



CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310710930, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần 10 ngày 9 tháng 04 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 107 đường 2A, Khu 5, ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn nhựa, nguyên vật liệu nhựa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 lập báo cáo tài chính, Công ty không có đơn vị trực thuộc.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2021

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc

05 – 10 năm

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2021

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 04 – 05 năm |
| - Phương tiện vận tải | 03 – 06 năm |
| - Quyền sử dụng đất (có thời hạn) | 39 – 40 năm |

Quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Máy móc và thiết bị | 03 – 05 năm |
| - Phương tiện vận tải | 03 – 06 năm |

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2021

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.
Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	3.339.469.331	3.462.591.089
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.646.162.779	240.304.938
Cộng	4.985.632.110	3.702.896.027

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại MB bank	3.510.000.000	-
	3.510.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Và Thương mại Vĩnh Thành	3.747.800.063	-
Công ty TNHH MTV Nam Hưng Meko Mart	331.963.653	899.056.834
Công ty TNHH Song Anh Nguyễn	5.227.907.681	5.227.907.681
Công ty TNHH SX TM DV và xuất nhập khẩu Âu Lạc Việt Nam	3.899.274.788	8.848.074.798
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đức Anh Phát	38.523.474.432	28.950.499.788
Các đối tượng khác	45.527.775.087	42.159.659.470
Cộng	97.258.195.704	86.085.198.571

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Á Đông ADG	3.850.000.000	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Marubeni Việt Nam	6.700.000.000	-
CHUAN LIH FA MACHINERY WORKS CO., LTD.	987.468.000	-
Cá đối tượng khác	287.878.644	550.517.658
Cộng	11.825.346.644	550.517.658

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2021

5. Phải thu khác

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.527.353.844	3.263.469.204
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	2.527.353.844	3.263.469.204
b) Dài hạn	8.658.185.361	8.573.932.669
Ký quỹ thuê tài chính	4.906.271.183	4.723.749.463
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	2.737.916.198	2.836.183.206
Ký quỹ, ký cược dài hạn (thuê kho)	1.013.997.980	1.014.000.000
Cộng	11.185.539.205	11.848.993.085

6. Hàng tồn kho

	31/03/2021	01/01/2021
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	14.256.000.000
Nguyên liệu, vật liệu	157.829.923.156	96.372.189.484
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	1.975.947.275
Thành phẩm	127.602.593.361	146.635.645.834
Cộng	285.432.516.517	259.239.782.593

7. Chi phí trả trước

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.253.555.312	2.156.017.637
Chi phí bảo hiểm chờ kết chuyển	439.828.917	429.101.382
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.813.726.395	1.726.916.255
b) Dài hạn	4.118.908.868	3.738.146.660
Chi phí bảo hiểm chờ kết chuyển	154.528.221	152.244.553
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.241.931.688	2.157.778.333
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.722.448.959	1.428.123.774
Cộng	6.372.464.180	5.894.164.297

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2021

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	25.502.323.677	46.339.691.302	12.121.048.691	83.963.063.670
Số tăng trong kỳ	-	6.223.485.000	-	6.223.485.000
- Mua trong kỳ	-	6.223.485.000	-	6.223.485.000
Số giảm trong kỳ	-	75.000.000	594.545.455	669.545.455
- Thanh lý, nhượng bán	-	75.000.000	594.545.455	669.545.455
Số dư cuối kỳ	25.502.323.677	52.488.176.302	11.526.503.236	89.517.003.215
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	295.480.000	24.805.135.698	9.860.182.001	34.960.797.699
Số tăng trong kỳ	461.323.302	1.828.551.013	280.536.579	2.570.410.894
- Khấu hao tăng trong kỳ	461.323.302	1.828.551.013	280.536.579	2.570.410.894
Số giảm trong kỳ	-	487.196.949	-	487.196.949
- Thanh lý, nhượng bán	-	487.196.949	-	487.196.949
Số dư cuối kỳ	756.803.302	26.146.489.762	10.140.718.580	37.044.011.644
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	25.206.843.677	21.534.555.604	2.260.866.690	49.002.265.971
Tại ngày cuối kỳ	24.745.520.375	26.341.686.540	1.385.784.656	52.472.991.571

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2021

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính
Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	50.134.662.212	2.022.303.637	52.156.965.849
Số tăng trong kỳ	3.286.590.000	-	3.286.590.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	53.421.252.212	2.022.303.637	55.443.555.849
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10.860.876.378	704.361.055	11.565.237.433
Khấu hao tăng trong kỳ	2.587.126.857	87.292.956	2.674.419.813
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	13.448.003.235	791.654.011	14.239.657.246
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	39.273.785.834	1.317.942.582	40.591.728.416
Tại ngày cuối kỳ	39.973.248.977	1.230.649.626	41.203.898.603

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	32.400.000.000
Mua trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	32.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	670.886.076
Khấu hao tăng trong kỳ	167.721.519
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	838.607.595
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	31.729.113.924
Tại ngày cuối kỳ	31.561.392.405

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2021

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BNL	655.256.216	655.256.216	8.665.580.051	8.665.580.051
Công ty Cổ phần Nhựa Opec	8.220.408.242	8.220.408.242	18.140.614.892	18.140.614.892
CN PP Nguyên liệu Công nghiệp Dầu Khí - Công ty CP TMDV Dầu Khí Miền Trung	3.960.000.000	3.960.000.000	1.262.250.000	1.262.250.000
Công ty Cổ phần Tân Phú Sài Gòn	1.797.034.233	1.797.034.233	1.933.034.233	1.933.034.233
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Địa Ốc Hồng Phúc	2.180.657.090	2.180.657.090	3.272.857.129	3.272.857.129
Công ty TNHH Vạn Liên Hoa	2.370.262.501	2.370.262.501	2.370.262.501	2.370.262.501
Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Chailease	1.529.539.206	1.529.539.206	1.771.748.277	1.771.748.277
Công ty TNHH Bao Bì Tấn Phong	178.899.917	178.899.917	1.496.974.916	1.496.974.916
Công ty TNHH Hành Tinh Vàng	1.137.004.470	1.137.004.470	1.637.004.470	1.637.004.470
Công ty Cổ phần Phước Đạt	-	-	5.800.000.000	5.800.000.000
Công ty TNHH SX TM XNK Tiến Thành	1.541.670.264	1.541.670.264	6.329.100.020	6.329.100.020
Công ty TNHH MTV TM XNK Đại Nhất Long	981.888.422	981.888.422	10.956.850.020	10.956.850.020
Các đối tượng khác	14.721.241.785	14.721.241.785	9.561.030.097	9.561.030.097
Cộng	39.273.862.346	39.273.862.346	73.197.306.606	73.197.306.606

12. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/03/2021
Phải nộp	3.018.213.803	3.628.142.962	3.084.254.095	3.562.102.670
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	467.933.033	60.870.500	407.062.533
Thuế nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.936.795.240	3.144.398.838	2.936.795.240	3.144.398.838
Thuế thu nhập cá nhân	81.418.562	10.811.091	81.588.355	10.641.298
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày
31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2021

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	571.446.607	531.916.866
Bảo hiểm xã hội	2.351.444.542	2.192.339.986
Cộng	2.922.891.149	2.724.256.852

14. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện của giao dịch bán và thuê lại TSCĐ thuê tài chính	2.910.070.073	3.127.698.866
Cộng	2.910.070.073	3.127.698.866

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2021

15. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/03/2021				01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	278.702.412.412	278.702.412.412	153.769.745.570	129.369.928.892	254.302.595.734	254.302.595.734
- Vay ngắn hạn (*)	269.462.448.556	269.462.448.556	153.769.745.570	125.775.595.978	241.468.298.964	241.468.298.964
+ Ngân hàng TMCP An Bình (a1)	8.329.522.460	8.329.522.460	9.129.522.460	17.792.434.218	16.992.434.218	16.992.434.218
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (a2)	4.800.000.000	4.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (a3)	169.815.500.000	169.815.500.000	70.050.482.110	70.100.482.110	169.865.500.000	169.865.500.000
+ Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh (a4)	38.006.211.510	38.006.211.510	20.070.000.000	6.696.150.075	24.632.361.585	24.632.361.585
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (a5)	46.511.214.586	46.511.214.586	50.719.741.000	27.386.529.575	23.178.003.161	23.178.003.161
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (a6)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
 - Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	9.239.963.856	9.239.963.856	-	3.594.332.914	12.834.296.770	12.834.296.770
+ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chailease (b3)	5.752.399.231	5.752.399.231	-	2.244.643.743	7.997.042.974	7.997.042.974
+ Công ty BIDV - Sumi Trust (b4)	3.487.564.625	3.487.564.625	-	1.349.689.171	4.837.253.796	4.837.253.796

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2021

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/03/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Dài hạn (**)	40.420.120.453	40.420.120.453	23.044.007.000	20.139.828.800	38.602.156.253	38.602.156.253
Vay dài hạn ngân hàng	22.308.009.900	22.308.009.900	19.431.030.000	20.139.828.800	23.016.808.700	23.016.808.700
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (b1)	2.145.824.100	2.145.824.100	-	291.550.000	2.437.374.100	2.437.374.100
+ Ngân hàng TMCP An Bình (b2)	731.155.800	731.155.800	-	19.848.278.800	20.579.434.600	20.579.434.600
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (a5)	19.431.030.000	19.431.030.000	19.431.030.000	-	-	-
Nợ thuê tài chính	18.112.110.553	18.112.110.553	3.612.977.000	-	15.585.347.553	15.585.347.553
+ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chaillease (b3)	9.285.608.247	9.285.608.247	-	-	9.285.608.247	9.285.608.247
+ Công ty BIDV - Sumi Trust (b4)	8.826.502.306	8.826.502.306	3.612.977.000	-	6.299.739.306	6.299.739.306
Cộng	319.122.532.865	319.122.532.865	176.813.752.570	149.509.757.692	292.904.751.987	292.904.751.987

16. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	61.000.000.000	1.645.507.026	62.645.507.026
Tăng vốn trong năm trước	39.000.000.000	-	39.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	14.786.588.555	13.141.081.529
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	14.786.588.555	114.786.588.555
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	14.786.588.555	114.786.588.555
Tăng vốn trong năm nay	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	12.577.595.351	12.577.595.351
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	27.364.183.906	177.364.183.906

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2021

16. Vốn chủ sở hữu

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/03/2021	%	01/01/2021	%
	VND		VND	
Phan Văn Quân	45.000.000.000	30.00	30.000.000.000	30,00
Nguyễn Văn Tuấn	56.250.000.000	37.50	37.500.000.000	37,50
Các đối tượng khác	48.750.000.000	32.50	32.500.000.000	32.50
Cộng	150.000.000.000	100	100.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	61.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	50.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	100.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/03/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày
31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm 2021
	VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm và hàng hóa	225.082.349.004
Cộng	225.082.349.004

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I năm 2021
	VND
Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	197.706.161.081
Cộng	197.706.161.081

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2021
	VND
Lãi tiền gửi	491.743
Lãi chênh lệch tỷ giá	0
Cộng	491.743

4. Chi phí tài chính

	Quý I năm 2021
	VND
Chi phí lãi vay	6.125.385.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.002.000
Cộng	6.132.387.069

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I năm 2021
	VND
a) Chi phí bán hàng	3.939.833.259
Chi phí nhân viên	1.759.019.000
Chi phí khấu hao	368.666.717
Chi phí bán hàng khác	1.812.147.542
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.564.411.945
Chi phí nhân viên quản lý	909.047.000
Chi phí khấu hao	178.203.030
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	477.161.915

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày
31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2021

6. Thu nhập khác

	Quý I năm 2021
	VND
Lãi từ thanh lý tài sản	21.742.403
Thu nhập khác	600
Cộng	21.743.003

7. Chi phí khác

	Quý I năm 2021
	VND
Chi phí khác	39.796.208
Cộng	39.796.208

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Quý I năm 2021
	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.721.994.188
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
+ Chuyển lỗ của các năm trước	-
Lợi nhuận tính thuế	15.721.994.188
Thuế suất	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.144.398.838

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày
31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2021

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.577.595.351
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.577.595.351
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.348.144
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.215

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.393.358.000
Chi phí nhân công	2.701.302.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.865.682.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.501.697.598
Chi phí khác bằng tiền	1.257.465.709
Cộng	55.719.506.244

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu

LƯƠNG THANH HOÀNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ YẾN NGA

Long An, ngày 10 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc



PHAN VĂN QUÂN